TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐƠN DƯƠNG** TỈNH LÂM ĐỒNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/DS-ST
Ngày: 15/7/2022.
Về việc: "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG – TỈNH LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Luân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đức Lam.

2. Ông Lê Văn Hiển.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2022/QĐXXST-DS ngày 14/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-DS ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 237, đường Q, phường P, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn V, sinh năm 1973; địa chỉ: số 177, thôn 2, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 29/3/2022, số chứng thực 125, quyển số 01-SCT/HĐ,GD tại UBND thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Ngô Thị S, sinh năm 1966; Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1964; địa chỉ: số 225E, Xóm 4, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Vũ có mặt, ông T và bà S vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Vào ngày 12/11/2020 vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S có vay của bà Huỳnh Thị L số tiền 350.000.000đ, đến ngày 18/12/2020 ông T, bà S tiếp tục vay số tiền 400.000.000đ. Tổng cộng hai lần vay là 750.000.000đ, khi vay có viết giấy mượn tiền theo mẫu in sẵn, có chữ ký của ông T, bà S. Theo nguyên đơn

thì nội dung trong giấy mượn tiền là do bà S viết. Thời hạn vay là 03 tháng tính từ ngày vay cho từng khoản vay. Khi nợ đến hạn vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S không trả tiền cho bà L còn có lời lẽ thách thức. Nay bà L đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Đ để yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đ buộc vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S trả tiền 750.000.000đ tiền gốc và trả lãi phát sinh do chậm trả được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tạm tính như sau:

+ Số tiền 350.000.000đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 13/02/2021 đến 15/7/2022 làm tròn là 17 tháng: 350.000.000đ x (10% : 12 tháng) x 17 tháng = 49.385.000đ

+ Số tiền 400.000.000đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 19/03/2021 đến 19/04/2022 làm tròn là 16 tháng: 400.000.000đ x (10% : 12 tháng) x 16 tháng = 53.120.000đ.

Tổng tiền lãi là: 49.385.000đ + 53.120.000đ = 102.505.000đ. Tổng số tiền gốc và lãi yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S có nghĩa vụ trả cho bà L là 750.000.000đ + 102.505.000đ = 852.505.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T vắng mặt, không có lời trình bày, không có ý kiến gì về nội dung vụ án và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T trả số tiền 852.505.000đ trong đó nợ gốc là 750.000.000đ, nợ lãi là 102.505.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật; Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền nợ gốc 750.000.000đ và tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Huỳnh Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, yêu cầu vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T, cư trú tại: số 225E, Xóm 4, thôn N, xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng trả số tiền nợ gốc

7500.000.000đ và lãi suất theo quy định pháp luật. Đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 06/4/2022 tại Công an xã K, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng thì nguyên đơn khởi kiện bị đơn đúng với địa chỉ bị đơn cư trú, đồng thời cũng đúng theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng vay tài sản. Tại phiên toà, bị đơn bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ thể hiện bà Huỳnh Thị L khởi kiện vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T yêu cầu trả nợ theo các giấy mượn tiền ngày 12/11/2020 có thời hạn trả nợ đến ngày 12/02/2021 và giấy mượn tiền ngày 18/12/2020 có thời hạn trả nợ đến ngày 18/2021 nên xác định đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giấy mượn tiền ghi ngày 12/11/2020 thể hiện vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đinh Tân có vay của bà Huỳnh Thị L số tiền nợ gốc 350.000.000đ trong thời hạn 03 tháng, hẹn đến ngày 12/02/2021 sẽ trả đủ và Giấy mượn tiền ghi ngày 18/12/2020 thể hiện vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đinh Tân có vay của bà Huỳnh Thị L số tiền nợ gốc 400.000.000đ trong thời hạn 03 tháng, hẹn đến ngày 18/3/2021 sẽ trả đủ, các bên không thỏa thuận trả lãi. Các giấy mượn tiền đều có chữ ký của ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S. Theo nguyên đơn thì trong các giấy mượn tiền thể hiện tên người vay là bà Ngô Thị S nhưng khi đề cập đến việc vay mượn thì ông Nguyễn Đình T cũng tham gia, cùng cam kết với bà S trả nợ đúng thời hạn, vì vậy trong vụ án này nguyên đơn yêu cầu vợ chồng ông T, bà S có nghĩa vụ liên đới trả nợ lãi và nợ gốc.

Tổng cộng các khoản nợ nói trên là 750.000.000đ, theo bà L trình bày thì kể từ khi cho vay vợ chồng bà S, ông T không trả lần nào. Do tình hình dịch bệnh, bà L lúc này đã chuyển đến Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống nên các bên chỉ trao đổi việc trả nợ qua tin nhắn. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát thì bà L có trở về, nhiều lần yêu cầu bà S, ông T trả nợ nhưng cũng không có kết quả gì, thậm chí bà L còn bị thách thức.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Thông báo về kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của vụ án nhưng đến nay bị đơn cũng không có lời trình bày hoặc văn bản nào phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ đó, có căn cứ chứng minh nội dung tranh

chấp hợp đồng vay tài sản là có thật và có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc trả nợ gốc. Khi hợp đồng mượn tiền các bên không có thỏa thuận cụ thể về lãi trong giấy mượn tiền, cũng không có căn cứ để làm rõ các bên có thỏa thuận nào khác về lãi suất, tại phiên tòa bị đơn vắng mặt nên cũng không thể đối chất làm rõ. Vì vậy quan hệ vay tài sản này thuộc trường hợp không có thỏa thuận về lãi hoặc có thỏa thuận lãi nhưng không rõ ràng. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và hướng dẫn tại Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp không có thỏa thỏa thuận về lãi hoặc có thỏa thuận nhưng không rõ ràng thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi như đã trình bày là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu trả nợ gốc và trả lãi của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị đơn phải nộp toàn bộ án phí tương ứng với giá trị tài sản tranh chấp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 91, 92, 144, 147 và điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 288; khoản 2 Điều 357; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, lãi phạt vi phạm;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình T và bà Ngô Thị S có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 852.505.000đ (tám trăm năm mươi hai triệu năm trăm lẻ năm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 750.000.000đ và nợ lãi là: 102.505.000đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả chongười được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãisuất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Buộc bị đơn vợ chồng bà Ngô Thị S, ông Nguyễn Đình T phải nộp số tiền 37.575.000đ (ba mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị L số tiền 18.507.500đ (mười tám triệu năm trăm lẻ bảy nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003866 ngày 04/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thị hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Võ Thành Luân